

Bản án số: 26/2020/HS-ST
Ngày 28/4/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tất Thắng
2. Bà Nguyễn Thị Mộng Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2020/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: T Nã), sinh năm: 1997, tại Kiên Giang.

HKTT: Tổ 2, khu phố 3, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: thợ sơn nước; trình độ văn hoá (học vấn) 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị D; bị cáo có 02 anh trai sinh năm 1986 và 1988; có vợ tên Võ Thị N sinh năm 1998 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xử phạt 15 (Mười lăm) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo bản án số 02/2019/HS-ST ngày 09/01/2019; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 09/9/2012, bị đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 (Hai mươi bốn) tháng, theo Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 05/9/2012 của Ủy ban nhân dân thị xã Phước Long; bị bắt tạm giữ ngày 03/02/2020, tạm giam từ ngày 12/02/2020 cho đến nay. Có mặt.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1968, trú tại: Khu phố 2, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

Anh Nguyễn Hoàng T1, sinh năm 1985, trú tại: Khu phố 4, phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 02/02/2020, Nguyễn Văn T đi bộ từ tiệm game điện tử “Bé Châu” thuộc khu phố 3, phường B, thị xã Phước Long về nhà. Khi đi ngang qua nhà của bà Nguyễn Thị Kim P tại khu phố 2, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước thì T phát hiện nhà bà P còn mở cổng, trong sân có dựng 01 xe đạp điện, 01 xe mô tô hiệu Dream và 01 xe mô tô hiệu Atila không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T đi vào trong sân và vào phòng khách, thấy 01 điện thoại di động Iphone 6 màu bạc, ốp lưng hình hoa văn màu đen đỏ đang sạc pin trên tủ nên T lấy điện thoại bỏ vào túi quần rồi ra sân thấy xe đạp điện có sẵn chìa khóa nên điều khiển xe chạy đến phòng trọ của Nguyễn Hoàng T1 (tên thường gọi là Đen) tại khu 4, phường P, thị xã Phước Long để gửi xe. Sau đó, T đi bộ quay lại nhà bà P quan sát, thấy chưa bị phát hiện nên T đi vào phòng khách lấy chìa khóa để trên bàn uống nước rồi ra sân mở khóa điện xe mô tô hiệu Atila biển kiểm soát 93K1 – 08491, điều khiển xe chạy xuống xã H, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, bán cho đối tượng tên N1(không rõ nhân thân lai lịch) với giá 2.500.000 đồng nhưng N1 chưa đưa tiền cho T, ngoài ra T còn nhờ N1 giữ giúp điện thoại lấy trộm được. Sau khi bán xe, T đón xe khách về lại phòng trọ của T1 lấy xe đạp điện, gửi xe khách chở đến xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, bán cho đối tượng Thái (không rõ nhân thân lai lịch), lấy 2.000.000 đồng, số tiền này T tiêu xài cá nhân hết 1.500.000 đồng.

Ngày 03/02/2020, biết sự việc bị phát hiện nên T đến Công an phường B, thị xã Phước Long đầu thú, giao nộp số tiền 500.000 đồng còn lại.

Ngày 04/02/2020, Công an xã Long Hà, huyện Phú Riềng thu giữ tại lô cao su gần Nhà văn hóa thôn 11, xã Long Hà một số tài sản gồm: 01 xe mô tô hiệu Atila màu vàng biển kiểm soát 93K1 – 08491, 01 điện thoại di động Iphone 6 và 01 xe đạp điện hiệu ASAMA màu đỏ. Sau đó đã bàn giao số tài sản này cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phước Long xử lý.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 05/HĐ.ĐGTSTTTHS.20 ngày 11/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Phước Long: Tại thời điểm ngày 02/02/2020, tổng giá trị còn lại của các tài sản gồm: 01 xe mô tô hiệu Atila màu vàng biển kiểm soát 93K1 – 08491, 01 điện thoại di động Iphone 6 và 01 xe đạp điện hiệu ASAMA màu đỏ là 4.900.000 đồng.

Ngày 12/02/2020, Nguyễn Văn T bị khởi tố bị can để điều tra.

Bản cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 26/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long đã truy tố Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản”; Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa: bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo đang nuôi con nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 24 (Hai mươi bốn) đến 30 (Ba mươi) tháng tù.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 500.000đ.

- Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phước Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng; Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 02/02/2020, Nguyễn Văn T lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản đã đột nhập vào nhà đột nhập vào nhà bà Nguyễn Thị Kim P, tại khu 2, phường B, thị xã Phước Long, lén lút lấy trộm 01 xe mô tô biển kiểm soát 93K1 – 08491, 01 điện thoại di động Iphone 6 và 01 xe đạp điện. Tài sản bị chiếm đoạt có giá trị là 4.900.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố để cấu thành “Tội trộm cắp tài sản”. Viện kiểm sát truy tố và luận tội bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; ngoài ra còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội ở địa phương. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân bị cáo đã cố ý thực hiện. Bị cáo có nhân thân xấu, từng bị xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và

phải chấp hành hình phạt 15 tháng tù giam nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cảnh tỉnh cho mình mà lại tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo có thái độ coi thường pháp luật. Do đó, xét cần xử phạt bị cáo mức hình phạt thật nghiêm, tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra là cần thiết, nhằm giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng tài sản của người khác và phòng ngừa chung.

[4] Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm”; có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: “Thành khẩn khai báo”, “Tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại”. Đây là những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng vụ án: 01 xe mô tô hiệu Atila màu vàng biển kiểm soát 93K1 – 08491, 01 điện thoại di động Iphone 6 và 01 xe đạp điện hiệu ASAMA màu đỏ là tài sản hợp pháp của bị hại P, Cơ quan điều tra Công an thị xã Phước Long đã xử lý trả lại cho bà P là đúng, nên không xem xét lại.

Đối với số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) bị cáo giao nộp do thu lợi bất chính từ việc phạm tội và không xác định được nhân thân lai lịch người đã trả tiền mua xe đạp điện do bị cáo trộm cắp mà có nên áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8] Đối với Nguyễn Hoàng T1 khi nhận giữ xe đạp điện cho T, T1 không biết đây là tài sản do phạm tội mà có; các đối tượng N1, T2 không rõ nhân thân lai lịch nên không đề cập đến việc xử lý.

[9] Về quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 38, 50; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; các điều 331, 333 và 337; Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: T nào) phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/02/2020.

3. Về vật chứng:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

4. Về án phí:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 28/4/2020).

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Bị cáo; Bị hại;;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Bị cáo; Bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt